TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A, ấp Á, xã P, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: F, đường liên ấp B, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Trần Anh K, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1, ấp Á, xã P, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Trần Anh K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 14/7/2014.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Anh K.

Về nuôi con chung: Bà và ông K có với nhau 02 người con chung tên Trần Lê Nhật Á sinh ngày 28/10/2015 hiện đang sống cùng ông K và Trần Lê Trường T1 sinh ngày 16/02/2017 hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, ông K nuôi dưỡng con chung tên Nhật Á, bà nuôi dưỡng con chung tên Trường T1, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Trần Anh K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh K, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông K cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã phát sinh mâu thuẫn nên khi bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông K không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà T, thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông K có với nhau hai người con chung tên Trần Lê Nhật Á sinh ngày 28/10/2015 và Trần Lê Trường T1 sinh ngày 16/02/2017.

Xét, yêu cầu nuôi con chung của bà T là phù hợp với hiên trạng thực tế nuôi con chung hiện nay của đương sự và để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung nên cần giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay là giao con chung tên Nhật Á cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trường T1, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Anh K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Lê Nhật Á sinh ngày 28/10/2015 cho ông Trần Anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung tên Trần Lê Trường T1 sinh ngày 16/02/2017 cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008788 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy